

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



NGUYỄN THỊ YÊN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TIỀN PHƯỚC,
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
Mã số: 834 04 10

Đà Nẵng - 2026

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: Giáo sư. Tiến sĩ Võ Xuân Tiến

Tiến sĩ. Lê Trung Hiếu

Phản biện 1: TS. Trần Thị Thuý Ngọc

Phản biện 2: TS. Nguyễn Tô Như

Đề án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm đề án tốt nghiệp thạc sĩ
Quản lý kinh tế hợp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào
ngày 06 tháng 6 năm 2026

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ, việc đổi mới phương thức quản lý tại cơ quan nhà nước là yêu cầu tất yếu để nâng cao tính minh bạch và hiệu quả phục vụ người dân. Tại xã Tiên Phước, dù đã đạt được một số kết quả ban đầu, nhưng hạ tầng kỹ thuật chưa đồng đều và kỹ năng số của cán bộ, người dân còn hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý nhà nước (QLNN) về chuyển đổi số (CĐS) tại địa phương là rất cần thiết

Vì những lý do nêu trên, tác giả đã lựa chọn đề tài “*Quản lý nhà nước về Chuyển đổi số trên địa bàn xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng*” làm đề án tốt nghiệp thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng công tác QLNN về CĐS tại xã Tiên Phước trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về CĐS và nội dung QLNN đối với quá trình CĐS tại đơn vị hành chính cấp xã.

- Khảo sát, phân tích và đánh giá khách quan thực trạng công tác QLNN về CĐS tại xã Tiên Phước giai đoạn 2023–2025; từ đó nhận diện những kết quả đạt được, các mặt còn hạn chế và nguyên nhân của chúng.

- Đề xuất hệ thống các giải pháp mang tính khả thi và định hướng lộ trình tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về CĐS trên địa bàn xã Tiên Phước đến năm 2030.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến công tác QLNN về CDS trên địa bàn xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về mặt nội dung*: Đề án tập trung nghiên cứu thực trạng và đề xuất hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN về CDS tại xã Tiên Phước

- *Về mặt không gian*: Nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi địa giới hành chính xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng.

- *Về mặt thời gian*: Đề án tập trung phân tích dữ liệu giai đoạn 2023–2025, tiến hành khảo sát thực tế vào năm 2026 và đề xuất các giải pháp định hướng đến năm 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

* ***Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp***: Dữ liệu được thu thập, tổng hợp từ các báo cáo định kỳ, kế hoạch CDS và số liệu thống kê thực tế từ UBND xã Tiên Phước giai đoạn 2023–2025.

* ***Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp***: Tác giả thực hiện điều tra, khảo sát một số đối tượng là cán bộ quản lý và thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã.

Thời gian khảo sát: từ từ 01/3/2026 đến 15/3/2026.

* ***Phương pháp phân tích – so sánh***: Đối chiếu số liệu giữa các giai đoạn và nội dung để làm rõ kết quả, hạn chế và nguyên nhân trong quản lý CDS.

* ***Phương pháp kế thừa***: Chọn lọc và vận dụng các kết quả nghiên cứu liên quan đã thực hiện trước đó trên địa bàn để làm cơ sở cho đề án.

*** Phương pháp tổng hợp, đánh giá:** Tổng hợp các kết quả phân tích để xác định toàn diện thực trạng, làm căn cứ đề xuất các giải pháp khả thi.

*** Phương pháp phân tích thống kê:** Sử dụng các chỉ tiêu và biểu đồ để mô tả thực trạng cũng như xu hướng thay đổi của hoạt động CDS tại địa phương.

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

Đề án cung cấp luận cứ khoa học giúp chính quyền xã Tiên Phước hoàn thiện công tác điều hành, hiện đại hóa nền hành chính và thúc đẩy xây dựng chính quyền số. Đồng thời, các giải pháp đề xuất hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến dễ dàng hơn và làm tài liệu tham khảo hữu ích cho các địa phương có đặc điểm tương đồng.

6. Kết cấu đề án

Ngoài Ngoài Mở đầu, kết luận, kiến nghị, tài liệu tham khảo, đề án có kết cấu gồm 04 chương đó là:

Chương 1: Cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý của quản lý nhà nước về chuyển đổi số.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về chuyển đổi số trên địa bàn xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp của đề án quản lý nhà nước về chuyển đổi số trên địa bàn xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng.

Chương 4: Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1.1 Các khái niệm liên quan đến quản lý nhà nước về chuyển đổi số

1.1.1. Khái niệm về chuyển đổi số

CĐS là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số (theo Thủ tướng Chính phủ, 2020). Bản chất của CĐS không chỉ là ứng dụng công nghệ (AI, Điện toán đám mây, IoT) mà còn là sự thay đổi về tư duy quản lý, mô hình vận hành và phương thức cung cấp dịch vụ. Quá trình này đòi hỏi vai trò dẫn dắt của người đứng đầu nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả xử lý công việc và tăng khả năng thích ứng của tổ chức trong môi trường số hiện đại.

1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước về chuyển đổi số

QLNN là hoạt động điều hành, định hướng xã hội của cơ quan nhà nước thông qua pháp luật và chính sách nhằm đạt được các mục tiêu phát triển quốc gia (theo Học viện Hành chính Quốc gia, 2021). Trong bối cảnh hiện nay, QLNN về chuyển đổi số là quá trình cơ quan nhà nước thực hiện các chức năng định hướng, ban hành cơ chế và tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ số. Hoạt động này nhằm hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao hiệu quả điều hành và chất lượng phục vụ nhân dân, tạo tiền đề vững chắc để phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

1.2. Nội dung quản lý nhà nước về Chuyển đổi số

1.2.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về chuyển đổi số

Công tác này đóng vai trò quyết định, yêu cầu bám sát chỉ đạo cấp trên và phù hợp với thực tế địa phương qua việc đánh giá hạ tầng

và mức độ sẵn sàng của người dân, doanh nghiệp. Kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình và phân công trách nhiệm cụ thể để thúc đẩy đồng bộ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Tiêu chí: Kế hoạch phù hợp đặc điểm địa phương, ban hành kịp thời, rõ ràng và có tính khả thi cao.

1.2.2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo sự đồng thuận thông qua đa dạng hóa hình thức truyền thông (trực tiếp tại thôn xóm, loa đài, mạng xã hội). UBND xã cần phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân kỹ năng số cơ bản và hỗ trợ doanh nghiệp số hóa hoạt động kinh doanh.

Tiêu chí: Hình thức đa dạng, nội dung dễ hiểu, tần suất tuyên truyền thường xuyên và đạt mức độ hài lòng của người dân.

1.2.3. Tổ chức thực hiện các hoạt động chuyển đổi số

Tập trung phát triển hạ tầng số (internet tốc độ cao, wifi công cộng) làm nền tảng hiện đại hóa chính quyền số qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đồng thời, thúc đẩy kinh tế số thông qua thương mại điện tử và xã hội số bằng cách ứng dụng công nghệ trong y tế, giáo dục và đời sống hằng ngày.

Tiêu chí: Hạ tầng đáp ứng yêu cầu công việc, dịch vụ công thuận tiện, văn bản hướng dẫn kịp thời và mức độ tiếp cận công nghệ của người dân cao.

1.2.4. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác chuyển đổi số

Hoạt động này bảo đảm việc thực thi đúng pháp luật, an toàn thông tin và đạt mục tiêu đề ra. Nội dung bao gồm xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá, tăng cường phát hiện lỗi hỏng bảo mật, thực hiện báo cáo định kỳ và lồng ghép công tác kiểm tra vào kế hoạch

hàng năm để kịp thời chấn chỉnh sai phạm.

Tiêu chí: Quy trình kiểm tra rõ ràng, thực hiện thường xuyên, xử lý vi phạm nghiêm minh và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị.

1.3. Căn cứ pháp lý để xây dựng đề án

1.3.1. Văn bản của Chính phủ

Hệ thống pháp luật Trung ương tạo hành lang pháp lý toàn diện cho CDS, tiêu biểu là: Luật CNTT (2006) định hướng phát triển công nghệ; Luật An toàn thông tin mạng (2015) và Luật An ninh mạng (2018) bảo vệ chủ quyền số; Luật Giao dịch điện tử (2023) tạo nền tảng cho dịch vụ công trực tuyến. Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW (2024) xác định CDS là quốc sách hàng đầu và Quyết định số 942/QĐ-TTg (2021) đề ra chiến lược phát triển Chính phủ số đến năm 2030.

1.3.2. Văn bản của thành phố Đà Nẵng

Thành phố cụ thể hóa các chủ trương Trung ương thông qua Quyết định số 3404/QĐ-UBND (2025) về phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2026–2030, hướng tới kinh tế số và kinh tế xanh. Đồng thời, Kế hoạch số 21-KH/TU và Kế hoạch số 122-KH/UBND (2025) tập trung triển khai đồng bộ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, với ưu tiên đặc thù vào các lĩnh vực công nghệ cao như vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo.

1.3.3. Văn bản của xã Tiên Phước

Tại cấp cơ sở, xã ban hành các kế hoạch hành động sát thực tế như: Kế hoạch số 13/KH-UBND (2025) triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập kỹ năng số và AI đến từng người dân qua Tổ công nghệ số cộng đồng; Kế hoạch số 57/KH-UBND (2025)

về CDS trong công tác phổ biến pháp luật, tập trung số hóa kho dữ liệu và đổi mới hình thức tuyên truyền trên nền tảng số.

Kết luận chương 1

Nội dung nghiên cứu ở chương 1 tập trung làm rõ những nội dung lý luận và cơ sở pháp lý liên quan đến QLNN về CDS trong giai đoạn hiện nay. Thông qua việc tổng hợp các quan điểm và quy định liên quan, chương đã khái quát được vai trò của CDS đối với hoạt động quản lý nhà nước cũng như yêu cầu đổi mới phương thức điều hành trong môi trường số.

Ngoài việc phân tích các nội dung cơ bản của QLNN về CDS, chương còn đề cập đến những nhiệm vụ trọng tâm như xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, tuyên truyền, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện. Đây là những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả triển khai CDS tại địa phương.

Những vấn đề lý luận và pháp lý được trình bày trong chương là cơ sở để phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác QLNN về CDS tại xã Tiên Phước ở các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TIỀN PHƯỚC, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.3. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội đến quản lý nhà nước về chuyển đổi số trên địa bàn xã Tiên Phước

2.1.4. Thực trạng chuyển đổi số trên địa bàn xã Tiên Phước

2.2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về chuyển đổi số trên địa bàn xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về chuyển đổi số

Giai đoạn 2023–2025, UBND xã Tiên Phước đã tích cực cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương và Thành phố thông qua việc ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo đa dạng, tiêu biểu như các kế hoạch về "Bình dân học vụ số", CDS trong giáo dục, pháp luật và thành lập Ban Chỉ đạo CDS chuyên trách. Việc triển khai tập trung vào ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, bước đầu tạo sự đồng bộ trong hệ thống chính trị và nâng cao hiệu quả dịch vụ hành chính công. Tuy nhiên, công tác lập kế hoạch hiện vẫn mang tính ngắn hạn theo từng năm, thiếu chiến lược dài hạn xuyên suốt. Bên cạnh đó, địa phương đã thực thi hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhân lực chuyên trách theo quy định của Chính phủ, góp phần giữ chân nguồn nhân lực chất lượng phục vụ công cuộc số hóa tại cơ sở.

2.2.2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

UBND xã Tiên Phước đã triển khai quyết liệt công tác tuyên truyền thông qua nhiều hình thức đa dạng nhằm tiếp cận mọi tầng

lớp nhân dân. Các hoạt động trọng tâm bao gồm tổ chức hội nghị, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ và người dân; đẩy mạnh truyền thông số qua mạng xã hội (Facebook, Zalo) và chuyên mục CDS trên Trang thông tin điện tử xã. Đặc biệt, xã đã thực hiện cổ động trực quan qua hệ thống pano, băng rôn tại các khu vực công cộng và phối hợp với Trung tâm 1022 thành phố tổ chức hướng dẫn cho hơn 3.800 lượt người. Bên cạnh đó, công tác đảm bảo an toàn thông tin được duy trì tốt, chưa để xảy ra sự cố mất an toàn hệ thống, góp phần tạo dựng niềm tin và sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng đối với tiến trình chuyển đổi số tại địa phương.

2.2.3. Tổ chức thực hiện các hoạt động chuyển đổi số

2.2.3.1. Phát triển hạ tầng số

Xã đã hoàn thiện hạ tầng mạng LAN nội bộ và đường truyền internet cáp quang tại trụ sở UBND và Trung tâm hành chính công. Công tác an toàn thông tin ghi nhận chuyển biến tích cực: tỷ lệ máy tính có hệ điều hành bản quyền tăng mạnh từ 71,67% (2023) lên 96,23% (2025); 100% thiết bị được trang bị phần mềm diệt virus Kaspersky và tỷ lệ cài đặt phần mềm chống mã độc tập trung đạt mức cao 94,34%. Điều này đảm bảo nền tảng kỹ thuật ổn định và bảo mật cho hoạt động QLNN.

2.2.3.2. Phát triển chính quyền số

Xã đã số hóa thành công quy trình điều hành với 100% văn bản được ký số và trao đổi điện tử. Hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đạt kết quả khả quan với tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 80% vào năm 2025, trong đó tỷ lệ hồ sơ đúng và trước hạn lên tới 99,4%. Đặc biệt, địa phương đã tiên phong đưa trợ lý ảo AI vào Trang thông tin điện tử xã để hỗ trợ người dân tra cứu thủ tục hành chính nhanh chóng và chính xác.

2.2.3.3. Thúc đẩy kinh tế số

UBND xã tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh đưa sản phẩm địa phương lên các sàn thương mại điện tử (Shopee, Lazada, TikTok...). Đồng thời, xã đã hỗ trợ tạo lập tem QR Code truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm OCOP và triển khai mô hình "Chợ 4.0", khuyến khích tiểu thương sử dụng hóa đơn điện tử và các phương thức thanh toán trực tuyến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

2.2.3.4. Xây dựng xã hội số

Thông qua mạng lưới 27 Tổ công nghệ số cộng đồng, xã đã phổ cập kỹ năng số cho cư dân, giúp đạt tỷ lệ 80% dân số được cấp định danh mức 2 và 84,7% tích hợp BHYT lên VNeID. Hệ thống băng rộng di động 4G/5G đã phủ sóng 100% địa bàn. Dù kết quả khảo sát sự hài lòng đạt mức khá (4,21/5 điểm), địa phương vẫn xác định cần tiếp tục hỗ trợ nhóm đối tượng gặp khó khăn về công nghệ và bồi dưỡng thêm chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm.

2.2.4. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác chuyển đổi số

Công tác kiểm tra, giám sát chuyển đổi số tại xã Tiên Phước giai đoạn 2023–2025 được thực hiện chặt chẽ và đi vào nề nếp với tần suất ổn định từ 5–6 đợt/năm, trong đó chú trọng tăng cường kiểm tra định kỳ để kịp thời điều chỉnh các chỉ số chưa đạt. Kết quả khảo sát cho thấy sự đồng thuận cao từ đội ngũ cán bộ quản lý (4,09 điểm) và Tổ công nghệ số cộng đồng (3,89 điểm) về tính thường xuyên và hiệu quả của việc giám sát tận cấp cơ sở. Tuy nhiên, địa phương vẫn cần quyết liệt hơn trong việc xử lý các sai phạm, vướng mắc phát sinh (tiêu chí này đạt điểm thấp nhất 3,82–3,99) nhằm đảm bảo tính kỷ cương và nâng cao hiệu quả thực thi các nhiệm vụ số hóa trong thời gian tới.

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch về CDS trên địa bàn xã Tiên Phước đạt được những kết quả tích cực. UBND xã xây dựng và ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo phù hợp với sự hướng dẫn của cấp trên và điều kiện thực tế của địa phương, góp phần bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công.

- Công tác tuyên truyền được triển khai với đa dạng các hình thức như tập huấn, hội thảo, hội nghị và thông qua các nền tảng số. Nhờ đó, việc ứng dụng CNTT trong quản lý và đời sống từng bước được mở rộng.

- Hạ tầng số được đặc biệt quan tâm đầu tư; hệ thống mạng, trang thiết bị và các phần mềm cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động. Một số ứng dụng quản lý chuyên ngành được triển khai, dữ liệu được cập nhật thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và quản lý chuyên ngành.

- Một số giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số được đẩy mạnh thông qua việc nâng cao khả năng kết nối, hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ số như tài khoản công dân điện tử, thanh toán trực tuyến và các tiện ích số khác trong giáo dục, đời sống,...

- Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát được thực hiện định kỳ kết hợp đột xuất, nhằm kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình triển khai nhiệm vụ, từ đó nâng cao hiệu quả QLNN về CDS tại địa phương.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

- Về xây dựng và thực hiện kế hoạch về CDS

Công tác ban hành và triển khai thực hiện các kế hoạch về CDS tại địa phương vẫn còn một số hạn chế do nguồn lực và điều kiện thực hiện chưa đồng bộ.

- Về tuyên truyền nâng cao nhận thức về CDS

Nhận thức về CDS chưa đồng đều giữa các bộ phận, chưa có nhiều hoạt động; đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng số. Các hoạt động về tuyên truyền, đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng số chưa được tổ chức thường xuyên, nội dung tập huấn chủ yếu mang tính phổ biến chung, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn của quá trình CDS tại cơ sở.

- Về tổ chức thực hiện các hoạt động CDS

Thiết bị công nghệ phục vụ CDS chưa đồng bộ; băng thông đường truyền còn hạn chế, đôi lúc xảy ra tình trạng truy cập chậm, ảnh hưởng đến việc sử dụng các hệ thống dùng chung. Một số cơ sở dữ liệu trước khi sáp nhập đã được cập nhật khai thác sử dụng, tuy nhiên sau sáp nhập chưa được chỉnh lý, làm sạch và cấp tài khoản sử dụng khai thác sử dụng như: dữ liệu về cán bộ công chức trên phần mềm cán bộ công chức viên chức trước đây được xã cập nhật lên hệ thống, hiện chưa được cấp tài khoản để tiếp tục khai thác, cập nhật. Các hệ thống phần mềm thường xuyên bị lỗi, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp.

- Về kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong công tác CDS

Công tác kiểm tra, giám sát việc vận hành và khai thác các hệ thống số hiện nay chưa được thực hiện thường xuyên, dẫn đến việc phát hiện và xử lý các tồn tại, lỗi kỹ thuật còn chậm trễ. Bên cạnh đó, công tác xử lý các hành vi vi phạm đôi khi còn nhẹ, một số trường hợp chỉ dừng lại ở mức nhắc nhở, chưa áp dụng biện pháp xử lý nghiêm khắc.

2.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Xuất phát điểm về hạ tầng số của địa phương còn hạn chế. Hạ tầng viễn thông, hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu số chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến việc triển khai các nền tảng số còn gặp nhiều khó khăn tại địa phương. Đồng thời nguồn lực tài chính dành cho CDS còn hạn chế. Việc đầu tư cho hệ thống công nghệ, phần mềm, cơ sở dữ liệu và an toàn thông tin đòi hỏi nguồn kinh phí lớn, trong khi ngân sách địa phương còn nhiều nhiệm vụ ưu tiên khác.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, mức độ nhận thức về CDS một bộ phận cán bộ, công chức và người dân hiện nay vẫn còn hạn chế.

Thứ hai, năng lực và kỹ năng số của đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế.

Thứ ba, cấu hình máy tính phục vụ công việc ở một số cơ quan còn thấp, không đáp ứng yêu cầu để cài đặt và vận hành các phần mềm phòng chống mã độc, gây khó khăn cho công tác đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

Kết luận chương 2

Nội dung nghiên cứu ở chương 2 chủ yếu làm rõ tình hình triển khai CDS tại xã Tiên Phước trên nhiều phương diện khác nhau, từ điều kiện thực tế của địa phương đến kết quả thực hiện trong thời gian qua. Nội dung chương đã khái quát các đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội của địa phương, qua đó cho thấy xã Tiên Phước có nhiều yếu tố thuận lợi về vị trí địa lý cũng như hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển. Những điều kiện này tạo nền tảng quan trọng cho việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến CDS. Tuy

nhiên, bên cạnh những thuận lợi, địa phương cũng đang đối mặt với không ít khó khăn và thách thức trong quá trình tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động CDS trên địa bàn.

Chương này đã tập trung đánh giá thực trạng QLNN về CDS tại xã Tiên Phước thông qua việc phân tích việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CDS, cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát trên địa bàn trong giai đoạn 2023 – 2025.

Bên cạnh các kết quả tích cực, công tác QLNN về CDS tại xã vẫn bộc lộ một số hạn chế như việc triển khai chưa đồng bộ, nguồn nhân lực còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn, hoạt động tuyên truyền chưa thật sự hiệu quả, trong khi ứng dụng CNTT ở một số lĩnh vực còn hạn chế. Những hạn chế này xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan khác nhau.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TIỀN PHƯỚC, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Cơ sở xây dựng Đề án

3.1.1. Định hướng phát triển Chương trình OCOP đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030

3.1.1.1. Định hướng

3.1.1.2. Mục tiêu

3.1.2. Định hướng, mục tiêu quản lý nhà nước về chuyển đổi số trên địa bàn” xã Tiên Phước

3.1.2.1. Định hướng

3.1.2.2. Mục tiêu

3.2. Các giải pháp của Đề án

3.2.1. Giải pháp về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về chuyển đổi số”

Hoàn thiện quy chế quản lý hành lang pháp lý số; xây dựng lộ trình CDS gắn liền với cải cách hành chính; có chính sách thu hút và bồi dưỡng nhân lực CNTT chất lượng cao.

3.2.2. Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Đa dạng hóa kênh truyền thông (Zalo, Facebook, loa phát thanh); phát huy vai trò "cầm tay chỉ việc" của Tổ công nghệ số cộng đồng; lồng ghép tiêu chí CDS vào các phong trào thi đua tại địa phương.

3.2.3. Giải pháp về tổ chức các hoạt động chuyển đổi số

3.2.3.1. Giải pháp phát triển hạ tầng số

Quy hoạch dài hạn: Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng trung và dài hạn, thay thế việc xử lý sự cố thụ động bằng cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả chủ động.

Phân định trách nhiệm: Tham mưu UBND xã ban hành kế hoạch cụ thể, rõ ràng về tiến độ và nguồn lực cho từng đơn vị phụ trách.

Nhiệm vụ trọng tâm: Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ, mở rộng dịch vụ công số và đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ cho cán bộ, công chức.

3.2.3.2. Giải pháp phát triển chính quyền số

Số hóa điều hành: Sử dụng đồng bộ hệ thống quản lý văn bản (Q-office), chữ ký số và thư điện tử công vụ; triển khai ứng dụng kết nối liên thông giữa khối Đảng, Mặt trận và Chính quyền.

Dịch vụ công: Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhằm hình thành thói quen giao dịch số cho người dân.

Dữ liệu chuyên ngành: Xây dựng kho CSDL xã kết nối với thành phố; điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu và chế độ báo cáo trên môi trường mạng.

3.2.3.3. Giải pháp về kinh tế số

Chợ 4.0: Phối hợp với các đơn vị viễn thông, tin dụng triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và biên lai điện tử tại các chợ.

Quản lý hộ kinh doanh: Số hóa thông tin sản phẩm dịch vụ, xây dựng bản đồ số doanh nghiệp để hỗ trợ quảng bá và quản lý thuế minh bạch.

Sàn việc làm: Vận hành kênh kết nối cung - cầu lao động trực tuyến tích hợp trên website và mạng xã hội của địa phương (Zalo, Facebook).

3.2.3.4. Giải pháp về xây dựng xã hội số

Y tế số: Triển khai bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa (telehealth) và hệ thống đặt lịch khám online để quản lý sức khỏe cá nhân toàn diện.

Giáo dục số: Chuyển đổi phương pháp dạy - học theo hướng cá nhân hóa; sử dụng học bạ điện tử, lớp học thông minh và nền tảng thi trực tuyến (K12online).

Văn hóa - Truyền thông: Số hóa dữ liệu di sản, du lịch 360 độ; nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã theo hướng thông minh hóa để tăng cường tiếp cận thông tin.

3.2.4. Giải pháp về kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác chuyển đổi số

Nâng cấp hệ thống giám sát: Phối hợp với các đơn vị chuyên môn (Trung tâm CNTT&TT Thành phố) để tham mưu nâng cấp hệ thống theo dõi dữ liệu tự động, kịp thời; xây dựng cơ chế cảnh báo sớm các sai sót.

Đào tạo và phổ biến pháp luật: Tổ chức tập huấn cho cán bộ và doanh nghiệp về quy định, trách nhiệm và các hình thức xử lý vi phạm trong chuyển đổi số nhằm nâng cao ý thức chấp hành.

Xử lý nghiêm minh và công khai: Áp dụng các chế tài đúng quy định pháp luật đối với các trường hợp tái diễn hoặc vi phạm nghiêm trọng; thực hiện công khai kết quả xử lý trên các trang thông tin (Website, Facebook, Zalo) để đảm bảo tính minh bạch và răn đe.

Kết luận chương 3

Chương 3 tập trung đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác QLNN về CDS tại xã Tiên Phước trên cơ sở bám sát định hướng phát triển của thành phố Đà Nẵng và yêu cầu thực tiễn tại địa phương. Các giải pháp được xây dựng theo hướng tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và từng bước hiện đại hóa nền hành chính ở cấp cơ sở.

Nội dung các giải pháp không chỉ chú trọng đến yếu tố kỹ thuật và hạ tầng số mà còn quan tâm đến nguồn nhân lực, cơ chế phối hợp và công tác tổ chức thực hiện. Trong đó, con người được xem là yếu tố quyết định hiệu quả triển khai; hạ tầng công nghệ giữ vai trò hỗ trợ; còn công tác kiểm tra, giám sát giúp bảo đảm tính kỷ luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Việc phát huy vai trò tham gia của người dân và doanh nghiệp cũng là điều kiện quan trọng để thúc đẩy CDS đi vào thực chất.

Nếu được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, cải thiện chất lượng điều hành và tạo nền tảng thúc đẩy quá trình CDS tại địa phương trong thời gian tới.

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Với giải pháp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về chuyển đổi số

4.1.1. Phân công nhiệm vụ

Trong quản trị nhà nước cấp xã, quá trình CDS được vận hành thông qua cơ chế phối hợp liên ngành, trong đó Phòng Văn hóa – Xã hội đóng vai trò hạt nhân tham mưu, kết nối chính sách và giám sát thực thi. Địa phương chuyển dịch trọng tâm từ đầu tư hạ tầng thuần túy sang tiếp cận lấy con người làm trung tâm, tập trung phát triển năng lực số cho cán bộ và kiện toàn bộ máy vận hành chuyên nghiệp. Đồng thời, sự gắn kết giữa nguồn lực tài chính, hạ tầng đồng bộ và tinh thần phục vụ tại các trung tâm hành chính công đã tạo ra cơ chế tương tác hai chiều hiệu quả, góp phần hiện đại hóa nền hành chính và nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

4.1.2. Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 1 (2026–2027): Tập trung nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống kế hoạch CDS ngắn hạn và dài hạn phù hợp với đặc thù địa phương.

Giai đoạn 2 (2028–2029): Tổ chức triển khai thử nghiệm để đánh giá tính khả thi, đồng thời thu thập phản hồi từ các bên liên quan để điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

Giai đoạn 3 (2030–2031): Hoàn thiện các phương án triển khai và chính thức mở rộng quy mô trên toàn địa bàn xã, đảm bảo tính đồng bộ và bền vững trong thực tiễn.

4.1.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

Kinh phí triển khai được huy động chủ yếu từ ngân sách nhà nước cấp thành phố và cấp xã, ưu tiên lồng ghép vào các kế hoạch cải cách hành chính và phát triển chính quyền số. Đồng thời, địa

phương đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp và tổ chức xã hội cùng đóng góp nguồn lực để tăng cường hiệu quả CDS.

4.2. Với giải pháp tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

4.2.1. Phân công nhiệm vụ

Phòng Văn hóa – Xã hội: Đầu mối xây dựng nội dung tuyên truyền đa dạng (hội nghị, tập huấn, kênh điện tử) và hướng dẫn người dân sử dụng các tiện ích số (DVC trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán số).

Tổ công nghệ số cộng đồng: Trực tiếp hỗ trợ người dân, đặc biệt là người cao tuổi, tiếp cận và sử dụng các nền tảng số.

Phòng Kinh tế: Vận động, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số vào quản lý và sản xuất.

Mặt trận và các đoàn thể: Tuyên truyền sâu rộng, lan tỏa kiến thức số đến từng hội viên và đoàn viên.

4.2.2. Lộ trình thực hiện Đề án

Giai đoạn 2026–2027: Xây dựng kế hoạch tổng thể, đa dạng hóa hình thức truyền thông và tập huấn nâng cao nhận thức cơ bản cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Giai đoạn 2028–2029: Mở rộng quy mô tuyên truyền đến toàn bộ khu dân cư, hộ kinh doanh và doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào chính công tác truyền thông.

Giai đoạn 2030–2031: Hình thành "Văn hóa chuyển đổi số", tập trung thay đổi hành vi sử dụng công nghệ thường nhật và tổng kết, xây dựng chiến lược cho giai đoạn mới.

4.2.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

Nguồn lực thực hiện dựa trên ngân sách địa phương đóng vai trò chủ đạo, kết hợp linh hoạt với nguồn xã hội hóa từ các doanh

nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, tận dụng sức mạnh nhân lực từ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để lan tỏa thông tin sâu rộng đến cộng đồng.

4.3. Với giải pháp tổ chức thực hiện các hoạt động về chuyển đổi số

4.3.1. Phân công nhiệm vụ

Phòng Văn hóa – Xã hội: Vai trò trung tâm trong tham mưu, định hướng và đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, người dân.

Văn phòng HĐND & UBND: Điều phối, kết nối thông tin và theo dõi tiến độ để nâng cao hiệu quả điều hành số hóa.

Công an và lực lượng thôn: Đảm bảo an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và là kênh truyền tải tiện ích số trực tiếp đến từng hộ gia đình.

4.3.2. Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 2026–2027: Rà soát hiện trạng, kiện toàn nhân sự và hoàn thiện mô hình chính quyền số thông qua các phần mềm điều hành, dịch vụ công trực tuyến.

Giai đoạn 2028–2029: Chuẩn hóa quy trình quản lý tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa; tập trung phổ cập kỹ năng số tại trường học, chợ và khu dân cư.

Giai đoạn 2030–2031: Đánh giá toàn diện, nhân rộng các mô hình hiệu quả và hướng tới xây dựng hệ thống quản lý CDS đồng bộ, bền vững.

4.3.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

Nguồn kinh phí lấy ngân sách địa phương làm chủ đạo, kết hợp huy động xã hội hóa từ doanh nghiệp và sự đồng hành của các tổ chức chính trị - xã hội. Đặc biệt, xã chú trọng thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá minh bạch từ khâu lập kế hoạch đến sử dụng kinh phí

để hạn chế thất thoát và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.

4.4. Với giải pháp tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác chuyển đổi số

4.4.1. Phân công nhiệm vụ

UBND xã: Chịu trách nhiệm chung trong việc chỉ đạo, theo dõi và tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tiến độ và xử lý vướng mắc.

Phòng Văn hóa – Xã hội: Cơ quan thường trực hỗ trợ tổng hợp tình hình, tham mưu nội dung kiểm tra và báo cáo các tồn tại để UBND xã có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Chú trọng biểu dương các điển hình thực hiện tốt, đồng thời nhắc nhở hoặc xử lý nghiêm các trường hợp gây ảnh hưởng đến hiệu quả CDS.

4.4.2. Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 2026–2027: Xây dựng, ban hành quy chế kiểm tra chuyên biệt và tổ chức tập huấn quy trình giám sát, đánh giá cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Giai đoạn 2028–2029: Đẩy mạnh kiểm tra thực tế đối với các tổ công nghệ số và thôn; tăng cường giám sát tính bảo mật dữ liệu và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Giai đoạn 2029–2030: Hoàn thiện cơ chế giám sát theo hướng minh bạch, công khai; định kỳ đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn.

4.4.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện dựa trên ngân sách địa phương làm chủ đạo. Song song đó, xã tích cực khuyến khích sự đồng hành, đóng góp nguồn lực từ các doanh nghiệp và tổ chức xã hội để đảm bảo tính bền vững và điều kiện triển khai các hoạt động giám sát.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Chương 4 đã làm rõ nội dung tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm thúc đẩy CDS trong QLNN theo hướng đồng bộ và hiệu quả. Trọng tâm trước hết là việc hoàn thiện công tác xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch và các văn bản hướng dẫn QLNN về CDS, tạo nền tảng pháp lý và định hướng thống nhất cho quá trình thực hiện. Nhằm bảo đảm tính hiệu quả trong quá trình triển khai các giải pháp, trách nhiệm thực hiện đã được phân định rõ; đồng thời lộ trình thực hiện được xây dựng theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Song song đó, việc huy động các nguồn lực phục vụ triển khai cũng được chú trọng nhằm nâng cao tính khả thi và đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu đề ra. Đây là cơ sở quan trọng góp phần nâng cao chất lượng QLNN về CDS tại địa phương trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, chương cũng nhấn mạnh vai trò phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và sự tham gia của người dân trong quá trình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến CDS. Việc phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị tạo điều kiện thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp tại địa phương. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để xã Tiên Phước từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

CĐS tại UBND xã Tiên Phước giữ vai trò quan trọng trong hoạt động QLNN tại địa phương và cần một lộ trình thực hiện cụ thể. Quá trình này đòi hỏi không chỉ đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin mà còn đổi mới trong phương thức điều hành, tư duy quản lý và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Để đạt được mục tiêu đề ra, xã cần tập trung hoàn thiện hạ tầng số, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai. Đồng thời, phát huy vai trò của “người dân, doanh nghiệp và các tổ chức” đoàn thể trong “tham gia” thực hiện CĐS, “góp” phần xây dựng chính quyền số cấp xã hoạt động hiệu lực, hiệu quả, công khai và minh bạch.

Trong giai đoạn hiện nay, việc nâng cao hiệu quả QLNN về CĐS tại UBND xã Tiên Phước có ý nghĩa quan trọng không chỉ mang ý nghĩa trước mắt mà còn có vai trò lâu dài đối với sự phát triển của địa phương. Thực hiện tốt các nhiệm vụ CĐS sẽ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, tăng tính công khai, minh bạch trong hoạt động của chính quyền, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại trong giai đoạn mới.

Với sự quyết tâm của chính quyền địa phương cùng sự đồng thuận của người dân và toàn xã hội, CĐS sẽ trở thành động lực quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của xã Tiên Phước trong thời gian sắp tới.